TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1078/2017/DS-PT
Ngày: 01/12/2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Dung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Ông Hồ Minh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nguyễn Phương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Duy Dũng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 01/12/2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 339/2017/TLPT-DS ngày 11 tháng 8 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 100/2017/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2628/2017/QĐPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị B, sinh năm 1947; cư trú tại: số nhà 40, ấp A, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông T, sinh năm 1988; cư trú tại: 52/7 Đường số 77, phường Q, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 9 năm 2017 tại Văn phòng công chứng Toàn Cầu). (Có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1981; cư trú tại: Số 3/10 Ấp 1, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà L, sinh năm 1992; cư trú tại: Số 454 Đường V, Ấp 3, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 5 năm 2016 tại Văn phòng công chứng Quận 7). (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Ông Nguyễn H –Văn phòng luật sư Minh Hòa, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà D, sinh năm 1943;

2. Ông J. sinh năm 1974;

Cùng cư trú tại: Số 3/10 Ấp 1, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D, ông J: Bà Lê Thị Bích L, sinh năm 1992; cư trú tại: Số 454 Đường V, Ấp 3, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 5 năm 2016 tại Văn phòng công chứng Quận 7). (Có mặt)

3. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1940; cư trú tại: Số 3/10 Ấp 1, Xã Đ, huyện B, Thành Phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị U, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Ngô Văn Q là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị B trình bày:

Vào ngày 10 tháng 10 năm 2013 bà Võ Thị B cho bà Nguyễn Thị U vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất cho vay tự thỏa thuận. Hai bên lập hợp đồng vay tiền có thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại số 3/10 Ấp 1, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tài sản của ông Nguyễn Văn B, bà Đặng Thị D; ông B, bà D đã ủy quyền cho bà U được toàn quyền thế chấp, chuyển nhượng, mua bán… đối với nhà đất trên.

Sau khi ký hợp đồng, bà B giao cho bà U số tiền 300.000.000 đồng, đồng thời bà U đã giao bản chính giấy tờ nhà đất cho bà B giữ. Hai bên còn lập thêm một văn bản thỏa thuận với nội dung: "khi hết thời hạn vay 12 tháng nếu bà U không thAh toán tiền vay và lãi suất vay theo thỏa thuận thì bà U đồng ý chuyển nhượng tài sản đã thế chấp cho bà B". Văn bản thỏa thuận này cũng được công chứng. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ, bà U vẫn không thAh toán cho bà B bất kỳ khoản tiền nào.

Nay nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà U phải trả cho bà B số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 11/10/2014 cho đến ngày tòa án xét xử vụ án. Trường hợp bà U không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản là nhà và đất tại địa chỉ số 3/10 Ấp 1, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh mà bà U đã thế chấp để thu hồi nợ.

Tại các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lê Thị Bích L là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hoàng J, bà Đặng Thị D trình bày:

Bà Nguyễn Thị U thừa nhận có ký hợp đồng vay tiền có thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 10 tháng 10 năm 2013 với bà Võ Thị B. Tuy nhiên, thực tế bà U chỉ nhận của bà B số tiền 20.000.000 đồng. Hai bên không lập biên bản giao nhận tiền. Bà U không đồng ý trả số tiền 300.000.000 đồng cùng tiền lãi như yêu cầu của nguyên đơn mà chỉ đồng ý trả cho bà B số tiền thực nhận là 20.000.000 đồng và yêu cầu bà B phải trả lại bản chính giấy tờ nhà đất mà bà U đã thế chấp.

Ông Nguyễn Hoàng J là chồng của bà U xác định có biết việc vay tiền giữa bà U và bà B cũng như văn bản thỏa thuận mua bán tài sản nhưng quá trình giao nhận tiền như thế nào thì ông không biết.

Bà Đặng Thị D là mẹ của bà U thừa nhận có ủy quyền cho bà U được thế chấp, chuyển nhượng đối với nhà đất tại số 3/10 Ấp 1, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc ủy quyền có lập hợp đồng công chứng. Bà D không biết gì về việc vay tiền giữa bà U với bà B.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 100/2017/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Khoản 4 Điều 264; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 342, 355, 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 357, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn**.**

1- Buộc bà Nguyễn Thị U phải trả cho bà Võ Thị B số tiền 300.000.000 đồng còn nợ theo Hợp đồng vay tiền có thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được lập thành văn bản và được công chứng tại Phòng công chứng Phú Mỹ Hưng có số công chứng 007088, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD, lập ngày 10/10/2013 giữa bà Võ Thị B với bà Nguyễn Thị U.

2- Buộc bà Nguyễn Thị U phải trả cho bà Võ Thị B số tiền lãi là 106.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bà U phải có nghĩa vụ trả cho bà B là 406.000.000 đồng.

Thời giA trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Việc giao nhận tiền thực hiện tại cơ quA thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3- Sau khi bà Nguyễn Thị U đã thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên cho bà Võ Thị B thì bà B có trách nhiệm trả lại cho bà U bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 223228, số vào sổ CH01178 do Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/7/2011, đăng ký thay đổi ngày 24/01/2013 (mang tên ông Nguyễn Văn B và bà Đặng Thị D)

4- Trường hợp quá thời hạn trả nợ mà bà Nguyễn Thị U không thanh toán được khoản nợ nêu trên thì bà Võ Thị B được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là nhà và đất tại địa chỉ số 3/10 Ấp 1, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, thửa đất số 15, tờ bản đồ số 44 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 223228, số vào sổ CH01178 do Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/7/2011, đăng ký thay đổi ngày 24/01/2013, để thu hồi nợ vay và lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và đến hạn trả tiền mà bà Nguyễn Thị U chậm trả cho bà Võ Thị B số tiền nêu trên thì bà U còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bà U trả xong số tiền nợ và lãi cho bà B mà không cần phải phát mãi tài sản thế chấp thì bà B có trách nhiệm trả cho bà U giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 223228, số vào sổ CH01178 ngày 25/7/2011 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho Ủy bA nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5- Án phí dân sự sơ thẩm là: 20.300.000 đồng do bà Nguyễn Thị U nộp.

Bà Võ Thị B không phải nộp án phí; Trả lại cho bà Võ Thị B toàn bộ tiền tạm ứng án phí mà bà B đã nộp là 9.281250 đồng (Chín triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 01330 ngày 03 tháng 6 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngày 17/7/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị U nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Lê Thị Bích L là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA là ông Nguyễn Hoàng J, bà Đặng Thị D trình bày:

Bị đơn xác định chỉ nhận từ bà B số tiền 20.000.000 đồng, nguyên đơn không chứng minh được có việc giao cho bị đơn số tiền 300.000.000 đồng. Do đó đề nghị sửa bản án sơ thẩm, tuyên bị đơn chỉ có trách nhiệm trả số tiền

20.000.000 đồng mà bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn. Đối với hợp đồng thế chấp tài sản giữa bà B và bà U đã bị vô hiệu do không đăng ký giao dịch bảo đảm nên bà B phải trả lại cho bà U bản chính giấy tờ nhà đất tại số 3/10 Ấp 1, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trịnh Duy Thanh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị B trình bày:

Không đồng ý với kháng cáo của bà U, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn B: vắng mặt tại phiên tòa dù đã được tống đạt hợp lệ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Ông Nguyễn H: vắng mặt tại phiên tòa dù đã được tống đạt hợp lệ. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày sẽ tự bảo vệ quyền lợi tại phiên tòa, không yêu cầu sự có mặt của luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của phía bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ theo sự thừa nhận của bà Võ Thị B và bà Nguyễn Thị U thì vào ngày 10/10/2013 bà B cùng bà U đã đến Văn phòng Công chứng Phú Mỹ Hưng, TP.Hồ Chí Minh để ký Hợp đồng vay tiền có thế chấp tài sản với nội dung: bà B cho bà U vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay là mười hai tháng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Để đảm bảo cho khoản tiền vay, bà U đồng ý thế chấp cho bà B tài sản tại địa chỉ số 3/10 Ấp 1, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản này thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn B và bà Đặng Thị D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 223228, số vào sổ CH01178 do Ủy bA nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/7/2011. Ông B, bà D đã có Hợp đồng ủy quyền cho bà U được toàn quyền thế chấp, chuyển nhượng, mua bán… đối với nhà đất nêu trên. Ngay sau khi ký Hợp đồng vay, bà B và bà U ký tiếp một Văn bản thỏa thuận với nội dung: khi hết thời hạn vay mà bà U không thanh toán tiền vay và

lãi suất thì bà U đồng ý chuyển nhượng tài sản trên cho bà B. Văn bản thỏa thuận này cũng được Văn phòng công chứng chứng nhận. Hiện nay, bà U kháng cáo cho rằng trên thực tế bà chỉ nhận từ bà B số tiền 20.000.000 đồng còn bà B thì xác định đã giao đầy đủ số tiền 300.000.000 đồng.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù việc giao nhận tiền giữa bà B và bà U không có biên bản thể hiện nhưng ngay sau khi bà U ký hợp đồng vay tiền của bà B đã tiếp tục ký Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng tài sản. Bà U cũng giao toàn bộ bản chính giấy tờ nhà đất cho bà B. Điều này có cơ sở xác định bà U đã nhận đủ số tiền vay 300.000.000 đồng nên mới cam kết nếu không trả được nợ thì sẽ chuyển nhượng tài sản cho bà B. Từ thời điểm ký hợp đồng vay vào ngày 10/10/2013 cho đến khi bà B khởi kiện tại Tòa án năm 2015, bà U không có bất cứ ý kiến gì về việc chưa nhận được đủ số tiền đã vay với bà B. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bà U trình bày không nhớ rõ thời điểm nhận 20.000.000 đồng từ bà B và cũng không nêu được lý do tại sao chưa nhận được đủ số tiền vay mà đã giao toàn bộ giấy tờ nhà, ký văn bản thỏa thuận chuyển nhượng tài sản cũng như không có ý kiến, động thái gì với bản hợp đồng vay ngày 10/10/2013. Bản án sơ thẩm xác định bà U có vay của bà B số tiền 300.000.000 đồng và buộc bà U phải trả cho bà B toàn bộ số tiền đã vay cùng lãi suất do chậm thanh toán là đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với kháng cáo của bà U về việc thế chấp tài sản, Hội đồng xét xử nhận thấy nhà và đất tại địa chỉ số 3/10 Ấp 1, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 223228, số vào sổ CH01178 cho ông Nguyễn Văn B và bà Đặng Thị D. Ngày 10/10/2013 ông B, bà D lập Hợp đồng tại Văn phòng công chứng ủy quyền cho bà U được toàn quyền thế chấp, chuyển nhượng, mua bán…đối với nhà đất trên. Sau đó bà U đã lập hợp đồng thế chấp tài sản cho bà B để đảm bảo khoản tiền vay, hợp đồng này đã được công chứng chứng nhận theo đúng với quy định tại Điều 343 của Bộ luật Dân sự 2005. Hợp đồng cũng nêu rõ quyền, nghĩa vụ của các bên trong việc thế chấp tài sản. Bản án sơ thẩm tuyên xử bà B được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản do bà U thế chấp để thu hồi nợ vay và lãi là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[5] Bà U phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 342, 343, 355, 471, 473, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 357; 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Tuyên xử:

Giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị U.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị B.

Buộc bà Nguyễn Thị U phải trả cho bà Võ Thị B số tiền là 406.000.000 đồng (Bốn trăm lẻ sáu triệu đồng) trong đó bao gồm 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) tiền vốn vay và 106.000.000 đồng (một trăm lẻ sáu triệu đồng) tiền lãi do chậm thanh toán theo Hợp đồng vay tiền có thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 10/10/2013 tại Phòng công chứng Phú Mỹ Hưng, số công chứng 007088, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Sau khi bà Nguyễn Thị U đã thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên cho bà Võ Thị B thì bà B có trách nhiệm trả lại cho bà U bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 223228, số vào sổ CH01178 do Ủy bab nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/7/2011 mang tên ông Nguyễn Văn B và bà Đặng Thị D.

3. Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bà Nguyễn Thị U không trả được nợ hoặc trả nợ chưa đầy đủ thì bà Võ Thị B được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là nhà và đất tại địa chỉ số 3/10 Ấp 1, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, thửa đất số 15, tờ bản đồ số 44 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 223228, số vào sổ CH01178 do Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/7/2011 để thu hồi nợ vay và lãi.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm là 20.300.000 đồng (Hai mươi triệu ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị U nộp. Trả lại cho bà Võ Thị B toàn bộ tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 9.281250 đồng (Chín triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 01330 ngày 03 tháng 6 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do bà U nộp, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà U đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002591 ngày 03/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Kim Dung